



PHỤ LỤC

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số 60/QĐ-TTYP ngày 21 tháng 01 năm 2025 của TTYP TP Chí Linh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025 được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách	55.000
1	Số thu	55.000
	Thu hoạt động dịch vụ	55.000
2	Chi từ nguồn thu được để lại	55.000
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	55.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước: Đủ điều kiện phân bổ	34.733,5
1	Sự nghiệp Y tế- Dân số : Loại 130 khoản 132	34.450
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	32.226
a	Quỹ tiền lương và chi thường xuyên hoạt động y tế dự phòng	29.076
	- Quỹ tiền lương hoạt động y tế dự phòng	4.113
	- Quỹ tiền lương hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	3.091
	- Quỹ tiền lương hoạt động tại các Trạm y tế	17.271
	- Kinh phí phụ cấp nhân viên y tế thôn tại các xã	1.393
	- Kinh phí bồi dưỡng đối với cộng tác viên dân số tại các thôn, khu dân cư thuộc xã, phường, thị trấn	1.057
	- Kinh phí thường xuyên	2.151
b	Hỗ trợ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh định mức theo giường bệnh	3.150
1.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	2.224
	- Thuê phần mềm phục vụ công nâng cao năng lực quản lý	6
	- Hỗ trợ công tác tập huấn, đào tạo	4
	- Kinh phí mua 01 xe ô tô cứu thương	1.400
	- Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 4810/KH-UBND "Thực hiện Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030": Năm 2025 khám chăm sóc sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên trên địa bàn thành phố Chí Linh.	814
2	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: Loại 250 khoản 251	45
2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	45
	Kinh phí quan trắc, xử lý môi trường định kỳ	45
3	Chi sự nghiệp đào tạo: Loại 070 khoản 085	238,5
3.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	238,5
	Kinh phí hỗ trợ đào tạo liên tục về chuyên môn cho các đối tượng là nhân viên y tế đang công tác tại đơn vị. Gồm các lớp như sau:	238,5
	- Quản lý chất lượng xét nghiệm	2,0
	- Chuẩn đoán và điều trị bệnh tăng huyết áp	69,0
	- Chuẩn đoán và điều trị bệnh đái tháo đường	57,0
	- Chuẩn đoán và điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản	60,0
	- Dinh dưỡng cơ bản	36,0

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025 được giao
	- An toàn sinh học trong phòng xét nghiệm An toàn sinh học cấp II	7,5
	- Quản lý chất lượng bệnh viện	7,0
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước: Chưa đủ điều kiện phân bổ	5.840
1	Chi sự nghiệp Y tế - Dân số: Loại 130 khoản 132	5.840
1.1	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	5.840
	- Kinh phí cải tạo sửa chữa nâng cấp : Một số hạng mục tại Trung tâm y tế và Trạm y tế tuyến xã	4.700
	- Kinh phí mua thiết bị cho 19 Trạm y tế xã, phường, thị trấn. Mỗi trạm y tế 01 thiết bị cụ thể như sau:	1.140
	+ Máy đo đường huyết cá nhân	19,950
	+ Huyết áp kế	9,880
	+ Ống nghe	3,420
	+ Đèn khám bệnh	10,450
	+ Cân sức khỏe có thước đo chiều cao	34,010
	+ Bộ khám ngũ quan	98,800
	+ Đèn khám treo trần (đèn clar)	14,250
	+ Bộ thử thị lực mắt + bảng thử thị lực	15,200
	+ Máy khí dung	43,700
	+ Bình oxy (12L) + Bộ làm ẩm có đồng hồ + Mask thở oxy	28,500
	+ Bóng bóp cấp cứu người lớn dùng nhiều lần	5,510
	+ Bóng bóp cấp cứu trẻ em dùng nhiều lần	5,510
	+ Bộ nẹp chân	8,550
	+ Bộ nẹp tay	6,080
	+ Bộ nẹp cổ	4,940
	+ Cáng tay	16,150
	+ Xe tiêm	65,550
	+ Xe đẩy cấp phát thuốc và dụng cụ	91,200
	+ Bàn tiểu phẫu	53,200
	+ Bộ dụng cụ Tiểu phẫu	57,950
	+ Giá treo truyền dịch	9,120
	+ Tủ đựng thuốc và dụng cụ	68,400
	+ Bộ mở khí quản cho người lớn	22,800
	+ Bộ mở khí quản cho trẻ em	22,800
	+ Kẹp lấy dị vật cho người lớn	4,180
	+ Kẹp lấy dị vật cho trẻ em	4,180
	+ Bộ dụng cụ nhổ răng sữa	22,800
	+ Giường châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt	60,800
	+ Máy điện châm	39,900
	+ Đèn hồng ngoại điều trị	18,620
	+ Bàn khám sản khoa	98,800
	+ Bàn để dụng cụ	30,400
	+ Bộ dụng cụ khám thai	22,800

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025 được giao
	+ Cân trẻ sơ sinh	16,150
	+ Hộp vận chuyển bệnh phẩm	4,750
	+ Nồi hấp tiệt trùng	72,200
	+ Tủ sấy	28,500

